

Số: 147/2023/QĐST-HNGĐ

Hương Trà, ngày 20 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **122/2023/TLST-HNGĐ** ngày 16 tháng 10 năm 2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Phan Hữu B**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Chị **Đoàn Thị T**, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Q, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hữu B và chị Đoàn Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 10/12/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh B, chị T trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **10/11/2023** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Phan Ngọc Trâm A, sinh ngày 23/01/2016 và Phan Ngọc Diệu A1, sinh ngày 28/6/2019. Anh B, chị T thỏa thuận giao cháu Trâm A, cháu Diệu A1 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Trâm A, cháu Diệu A1 lần lượt đủ 18 tuổi; chị T cấp dưỡng cho con là cháu Trâm A, cháu Diệu A1 mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu Trâm A, cháu Diệu A1 lần lượt đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của anh B, chị T là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Hữu B và chị Đoàn Thị T khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Hữu B và chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hữu B và chị Đoàn Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao hai cháu Phan Ngọc Trâm A, sinh ngày 23/01/2016 và Phan Ngọc Diệu A1, sinh ngày 28/6/2019 cho Anh Phan Hữu B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Đoàn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trâm A mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), cháu Diệu A1 mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phan Ngọc Trâm A, Phan Ngọc D Anh lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiếp cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Phan Hữu B và chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh B, chị T đã nộp theo biên lai số 0001501 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh B, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND xã Hương Bình
(Số 29 ngày 10/12/2015);
- Các đương sự;
- Lưu dân;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Hữu Nam